

Số: 45/2024/QĐST-DS

Tuy Hòa, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 262/2016/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2016.
- Căn cứ vào kết quả niêm yết các văn bản tố tụng đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Tại phiên hòa giải ngày 05/11/2024, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Kim D là các ông bà Nguyễn Thị V, ông Ngô Phi H, ông Ngô Thành S, ông Ngô Nhật T đều vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, các ông bà V, H, S, T đều cho rằng không biết bị đơn ông Nguyễn L là ai và không liên quan gì đến vụ án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T1 vắng mặt.

Trên cơ sở kết quả hoà giải thành giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S1 và bị đơn ông Nguyễn L, Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa ra thông báo kết quả hòa giải ngày 06/11/2024, yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến đối với kết quả hoà giải. Tuy nhiên, hết thời gian tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S1, sinh năm 1964. Địa chỉ: B T, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu phố L, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ tạm trú: H L, Phường B, thành phố T, Phú Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1971 (chết), địa chỉ: 1 N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1942; Ông Ngô Phi H, sinh năm 1966; Ông Ngô Thành S, sinh năm 1993; Ông Ngô Nhật T, sinh năm 1991. Các ông bà V, H, S, T đều thường trú tại địa chỉ: 1 N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2/Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1957. Địa chỉ thường trú: Khu phố L, Phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ tạm trú: H L, Phường B, thành phố T, Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Nguyễn L thừa nhận mua xe mô tô hiệu Hand, biển kiểm soát 78H5-8819 của bà Hồ Thị Thanh S1 theo Hợp đồng mua xe trả góp với giá là 4.700.000đ và nợ bà Hồ Thị Thanh S1 số tiền 1.250.000 đồng theo Hợp đồng mượn tiền ngày 18/6/2011. Tính đến ngày 05/11/2024, tổng số tiền gốc và lãi ông Nguyễn L phải trả cho bà Hồ Thị Thanh S1 theo thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng mua xe trả góp và Giấy mượn nợ là 13.100.000 đồng (Mười ba triệu một trăm nghìn đồng).

Bị đơn Nguyễn L chấp nhận trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S1 số tiền nợ gốc mua xe trả góp là 4.700.000 đồng vào ngày 12/11/2024 vào số tài khoản 040112308311 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S2 của bà Hồ Thị Thanh S1. Còn lại số tiền 8.400.000 đồng thì ông L sẽ trả mỗi tháng 500.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/12/2024 cho đến khi trả hết nợ cho bà S1. Trường hợp ông L không trả được hàng tháng số tiền 500.000 đồng thì bà S1 yêu cầu và ông L chấp nhận tính lãi theo lãi suất các bên đã thỏa thuận là 1,125%/tháng cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (05/11/2024) cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa các bên trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp đến kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi vay phát sinh theo nội dung thỏa thuận thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ còn lại.

Đối với chiếc xe số hiệu Hand, biển kiểm soát 78H5-8819, số SM: 00300023 thì nguyên đơn Hồ Thị Thanh S1 và bị đơn Nguyễn L đều thừa nhận xe có nguồn gốc của bà Phạm Thị Kim D do bà Hồ Thị Thanh S1 mua lại và bán cho ông Nguyễn L. Ông L trình bày xe máy này đã bị hư hỏng không sử dụng được, đã bán phế liệu. Bà S1 và ông L đều không có yêu cầu gì đối với chiếc xe này nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị đơn Nguyễn L phải chịu 327.500 đồng (Ba trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) nhưng do ông Nguyễn L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên chấp nhận miễn án phí cho ông L. H1 lại tiền tạm ứng án phí cho bà Hồ

Thị Thanh S1 số tiền 113.000 đồng tại biên lai số AA/2010/10535 ngày 27/3/2013 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên và số tiền 100.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004422 ngày 28/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hoà;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Uyên